TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĨNH GIA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2018/HSST
Ngày: 11/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Quốc Đ**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đỗ Xuân Ngọc

2. Bà: Khương Thị Thanh

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Lương Thị Cúc** – Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: **Bà: Nguyễn Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01năm 2018 tại Hội trường xét xử TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 180/2017/HSST ngày 20/12/2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX- ST, ngày 22/12/2017 đối với bị cáo:

1. LÊ THỊ TR - Sinh ngày 10/01/1993;Nơi ĐKHKTT: Xã HT, huyện TG, TH; Chỗ ở hiện nay: Thôn NS, xã NS, huyện TG, TH; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch : Việt Nam; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Lê Văn Th, sinh năm 1957;Con bà: Lê Thị L, sinh năm 1957; Gia đình có 05 chị em, bị can là con thứ năm; Họ tên chồng: Phạm Văn D, sinh năm 1990; Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị can bị áp dụng BPNC Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. CAO THỊ B - Sinh ngày 03/02/1980; Nơi ĐKHKTT: Xã HT, huyện TG, TH; Chỗ ở hiện nay: Thôn NH, xã HT, huyện TG, TH; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch : Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Cao Hùng Q, sinh năm 1958; Con bà: Hồ Thị M, sinh năm 1960; Gia đình có 05 chị em, bị can là con thứ nhất; Họ tên chồng: Nguyễn Hữu V, sinh năm 1976 (*Đã ly hôn*); 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị can bị áp dụng BPNC Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. HỒ THỊ TH - Sinh ngày 10/10/1978; Nơi ĐKHKTT: Xã HT, huyện TG, TH; Chỗ ở hiện nay: Thôn NH, xã HT, huyện TG, TH; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 08/12; Con ông: Hồ M T, sinh năm 1948; Con bà: Đậu Thị H, sinh năm 1947; Gia đình có 04 anh chị em, bị can là con thứ ba; Họ tên chồng: Trần Văn Đ, sinh năm 1978; Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 28/6/2017 đến ngày 17/7/2017 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp Cho bảo lĩnh.

4. Người làm chứng: Nguyễn Văn M – Sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn 2, xã X L, huyện TG, TH.

- Nguyễn Tiến Đ – Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn NS, xã NS, huyện TG, TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị TR, Cao Thị B, Hồ Thị Th và Nguyễn Tiến Đ đều có mối quan hệ gia đình với nhau.

Khoảng 17h45 ngày 06/06/2017, Nguyễn Văn M, sinh năm 1986, trú tại thôn 2, xã XL đến cửa hàng của Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1990, trú tại Thôn NS, xã NS, huyện TG, TH hỏi mua số lô, số đề. Đ bán cho M số lô 33 giá 30 điểm, số lô 16 giá 15 điểm với tổng số tiền là 1.035.000đ (*Một triệu không trăm ba lăm nghìn đồng*), Đ ghi các số lô trên vào một mảnh giấy đưa cho M và nhận tiền từ M. Sau đó Đ dùng điện thoại di động của mình lắp số sim 0974.047.424 nhắn tin chuyển các số lô vừa bán được và mua thêm số lô 16 giá 05 điểm đến số điện thoại 0978.287.234 của Lê Thị TR thì bị tổ công tác Công an huyện Tĩnh Gia phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm: 01 mảnh giấy ghi số lô Đ vừa bán cho M; 01 điện thoại Samsung J7 Prime màu đen lắp 02 sim: 0974.047.424 và 0129.654.3429 và số tiền 1.035.000đ (*Một triệu không trăm ba lăm nghìn đồng*). Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Tiến Đ và Lê Thị TR không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập Lê Thị TR và Hồ Thị Th để làm rõ hành vi mua bán số lô, số đề. Tại Cơ quan điều tra, TR giao nộp: 01 điện thoại OPPO F1 Plus lắp số sim 0967.809.099 và 01 điện thoại Iphone 5s lắp số sim 0978.287.234 mà TR sử dụng để mua, bán số lô số đề; TH giao nộp 01 điện thoại Samsung J7 Prime lắp số sim 0973.552.619, chiếc điện thoại và số sim này TH dùng để nhắn tin mua số lô, số đề với TR.

Sau khi kiểm tra lịch sử tin nhắn trong 02 chiếc điện thoại của Lê Thị TR xác định có nhiều tin nhắn thể hiện nội dung đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số

đề mà TR đã mua, bán cho khách từ trước đến nay. Trong đó Hồ Thị Th sử dụng điện thoại Samsung J7 Prime kèm theo số sim 0973.552.619 nhắn tin đến số điện thoại 0967.809.099 của TR để mua số lô, số đề. Còn TR chuyển số lô, số đề cho Cao Thị B dưới hình thức: TR sử dụng điện thoại OPPO F1 Plus lắp kèm số sim 0967.809.099 nhắn tin chuyển cho B qua số sim 0966.629.045 của B.

Quá trình điều tra đã xác định: Ngoài hành vi nhận số lô, đề từ Nguyễn Tiến Đ chuyển ngày 06/06/2017, trong khoảng thời gian từ ngày 19/04/2017 đến ngày 06/06/2017 Lê Thị TR còn trực tiếp mua, bán số lô, đề với Hồ Thị Th và mua bán số lô số đề với người dùng số điện thoại 0978.924.931 bằng hình thức nhắn tin qua số điện thoại của TR. TR bán cho TH số lô giá 21.700đ trên 1 điểm (*Thuý không mua bán số đề*); TR bán số lô cho người dùng số điện thoại 0978.924.931 với giá 22.500đ trên 1 điểm, số đề và ba càng giá 80 nghĩa là tương ứng với 10.000đ tiền đề, ba càng thì người dùng số điện thoại 0978.924.931 chỉ phải trả 8.000đ cho TR. Các số lô, số đề đã bán TR sẽ giữ lại hoặc chuyển đến cho Cao Thị B. TR và B thỏa thuận với nhau, mỗi điểm lô B nhận của TR có giá 21.500đ, tương ứng với 10.000đ tiền đề, ba càng thì TR chỉ phải trả 7.500đ.

Các bên thỏa thuận với nhau, căn cứ vào kết quả mở thưởng Xổ số kiến thiết Miền Bắc hàng ngày để biết kết quả đánh số lô, số đề. Nếu số đề trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì được trả số tiền gấp 70 (*Bảy mươi*) lần với số tiền đánh và nếu số lô đánh trùng với hai số cuối của tất cả các giải thưởng thì được trả 80.000đ (*Tám mươi nghìn đồng*) tương ứng với mỗi điểm lô.

Căn cứ vào tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án cũng như xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/04/2017 đến ngày 04/06/2017, các bị cáo Lê Thị TR, Hồ Thị Th, Cao Thị B và người sử dụng số điện thoại 0978.924.931 đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề. Cụ thể như sau:

Lê Thị TR có 21 lần đánh bạc (có lần TR đánh bạc cùng với Hồ Thị Th và người dùng số điện thoại 0978.924.931 sau đó TR bán lại cho Cao Thị B cũng có lần TR không bán lại cho B mà tự ôm luôn số tiền đánh bạc của TH và người dùng số điện thoại 0978.924.931) với tổng số tiền là 233.426.000đ (*Hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm hai sáu nghìn đồng*), trong đó số tiền TR mua và bán số lô, số đề là 139.826.000đ (*Một trăm ba chín triệu, tám trăm hai sáu nghìn đồng*), số tiền trúng thưởng là 93.600.000đ (*Chín mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Cao Thị B có 12 lần đánh bạc cùng Lê Thị TR với tổng số tiền là 92.837.500đ (*Chín mươi hai triệu tám trăm ba bảy nghìn năm trăm đồng*), trong đó số tiền B mua và bán số lô, số đề là 46.037.500đ (*Bốn mươi sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), số tiền trúng thưởng là 46.800.000đ (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*). Hồ Thị

Th có 13 lần đánh bạc cùng Lê Thị TR với tổng số tiền là 149.676.000đ (*Một trăm bốn chín triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), trong đó, số tiền TH mua và bán số lô là 92.876.000đ (*Chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), số tiền trúng thưởng là 56.800.000đ (*Năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2017 trưởng công an, xã HT, huyện TG, xác nhận: Nguồn thu nhập, nguồn sống chính của Lê Thị TR là từ việc buôn bán hàng tạp hóa; của Cao Thị B là từ việc buôn bán và cho thuê phòng trọ; của Hồ Thị Th là từ việc buôn bán hàng hóa, cung cấp lương thực thực phẩm cho các tàu cập cảng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng mà VKS ND huyện Tĩnh Gia truy tố các bị cáo.

Bản cáo trạng số 171 /CT-VKS ngày 27/11/2017 của VKSND huyện Tĩnh Gia đã truy tố Lê Thị TR & Đồng phạm về tội: "*Đánh bạc"*. Tại phiên tòa VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: khoản 1,3 Điều 248; điểm b, hai tình tiết tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 31 BLHS.

- Xử phạt: Lê Thị TR từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt: Cao Thị B từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Hồ Thị Th từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của mỗi bị cáo từ 5 đến 15% trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Hình phạt bổ sung: Mỗi bị cáo từ 05 đến 10 triệu đồng xung quỹ.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của BLHS năm 1999 và Điều 106 BLTTHS năm 2015. Truy thu số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và thu lời từ việc đánh bạc như sau: Lê Thị TR: 64.296.000đ; Cao Thị B: 19.222.5000đ và Hồ Thị Th: 23.385.000đ. Mỗi bị cáo được trừ đi 5 triệu là tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp vào chi cục THADS huyện Tĩnh Gia để khắc phục hậu quả. Do vậy cần tiếp tục truy thu số tiền còn lại: Lê Thị TR: 59.296.000đ; Cao Thị B: 14.222.500đ và Hồ Thị Th: 18.385.000đ. Số tiền 7.625.000đ là tiền thu lợi của người dùng SĐT0978.924.931 do chưa xác định được danh tính nên đề nghị HĐXX giải quyết sau khi có kết quả điều tra của Cơ quan điều tra.

- Tịch thu công số tiền 1.035.000đ; Tịch thu bán xung công 04 chiếc điện thoại di động mà các bị cáo đã sử dụng khi thực hiện hành vi đánh bạc trái phép. Tịch thu 05 thẻ sim hiện đang được lắp trong 04 chiếc điện thoại di động.

Tất cả các tang vật trên hiện đang được lưu giữ tại kho của chi cục THA DS huyện Tĩnh Gia.

- Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 20/4 đến ngày 04/6/2017 các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề với nhau. Tổng số tiền các bị cáo dùng trong việc đánh bạc là 233.426.000đ. trong đó số tiền các bị cáo mua và bán trái phép số lô, số đề là: 139.826.000đ và số tiền trúng thưởng là: 93.600.000đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và cần xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào hướng dẫn tại Tại khoản 2 Điều 1 - Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: "2. *Khi xác định trách nhiệm hình sự đối với người đánh bạc không được tính tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc của tất cả các lần đánh bạc, mà phải căn cứ vào từng lần đánh bạc để xem xét; cụ thể như sau:*

c) Trường hợp đánh bạc từ hai lần trở lên mà tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự... thì người đánh bạc phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự" và căn cứ Tại biên bản xác M ngày 26/10/2017 trưởng công an, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, xác nhận: Nguồn thu nhập, nguồn sống chính của Lê Thị TR là từ việc buôn bán hàng tạp hóa; của Cao Thị B là từ việc buôn bán và cho thuê phòng trọ; của Hồ Thị Th là từ việc buôn bán hàng hóa, cung cấp lương thực

thực phẩm cho các tàu cập cảng do đó không có căn cứ để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất chuyên nghiệp.

Vì vậy VKS ND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999 là đúng theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án:

Hiện nay trên địa bàn huyện Tĩnh Gia xảy ra rất nhiều các tệ nạn xã hội. Trong đó tệ nạn lô đề diễn ra ngày càng phức tạp dưới nhiều hình thức mua bán số lô, số đề khác nhau, làm mất trật tự an ninh xã hội, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của nhân dân, ảnh hưởng đến tư tưởng đạo đức của quần chúng nhân dân. Do vậy các lực lượng phòng chống tội phạm đã quyết tâm truy quét tệ nạn lô đề trên địa bàn cũng như tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về tác hại của tệ nạn đánh bạc gây ra. Nhưng do hám lợi nên các bị cáo vẫn lao vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã ảnh hưởng đến an ninh trật tự an ninh nông thôn và an toàn xã hội trên địa bàn xã thuộc khu kinh tế Nghi Sơn nói riêng, địa bàn huyện Tĩnh Gia nói chung, vì cờ bạc, lô đề mà gây nên nhiều loại tội phạm khác như trộm cắp, cưỡng đoạt tài sản... Do vậy cần phải lên cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra.

[4]. Xét về hành vi, vai trò và nhân thân của các bị cáo thấy:

Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 20 và Điều 53 của BLHS năm 1999 để phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo.

Đối với Lê Thị TR có số lần đánh bạc nhiều nhất trong ba bị cáo. Tổng số lần đánh bạc trái phép của Lê Thị TR là 21 lần với tổng số tiền là 233.426.000đ. Cụ thể như sau: TR bán số lô, đề trái phép cho Hồ Thị Th 13 lần với số tiền là 92.876.000đ; TR bán số lô, đề cho người sử dụng số điện thoại: 0978.924.931- 03 lần với tổng số tiền là: 25.175.000đ; Sau khi TR bán số lô, đề trái phép cho TH và người dùng số điện thoại 0978.924.931 thì TR lại thực hiện hành vi mua số lô, đề trái phép của Cao Thị B 12 lần với tổng số tiền 92.837.500đ nhằm mục đích kiếm tiền chênh lệch giữa người bán và người mua, hoặc có lần TR tự đánh, tự ôm. Do vậy hành vi phạm tội của Lê Thị TR mang tính chất trung gian giữa người đánh và người mua số lô, đề trái phép vì vậy Lê Thị TR giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với Cao Thị B tuy số lần đánh bạc ít hơn Hồ Thị Th nhưng hành vi, tính chất nguy hiểm hơn nên chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo TH và thấp hơn bị cáo TR.

[5]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy:

Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu một tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Xét về các tình tiết giảm nhẹ thấy:

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đều thật thà, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đã tự nguyện nộp tiền vào chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, các bị cáo đều được chính quyền địa phương có đơn xin giảm nhẹ hình phạt riêng bị cáo TH có bố, mẹ là người có công với cách mạng nên các bị cáo đều được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ tại điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46 của BLHS năm 1999. Xét thấy các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, các bị cáo đều là phụ nữ, có con nhỏ phạm tội một phần cũng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên nghĩ chưa cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 31 của BLHS năm 1999 cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung do đó cần miễn khấu trừ thu nhập cho cả ba bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của BLHS năm 1999 để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật.

Xét về hình phạt bổ sung : Mục đích phạm tội của cả ba bị cáo đều mang tính chất kiếm lợi nên cần áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 phạt mỗi bị cáo một khoản tiền nhất định để xung quỹ nhà nước cũng như để các bị cáo thấy được tính nghiêm M của pháp luật.

[6]. Xét về vật chứng:

Số tiền đánh bạc trong vụ án là 233.426.000đ bao gồm cả tiền mua bán số lô, đề và trả thưởng cho người trúng. Căn cứ vào lời khai cũng như tại lịch sử tin nhắn của số điện thoại mà Lê Thị TR sử dụng xác định từng ngày và số lần đánh bạc của các bị cáo xác định: số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và thu lời từ hành vi phạm tội của mình như sau: Lê Thị TR sử dụng số tiền đánh bạc sau khi trả thưởng thu lợi được: 64.296.000đ; Cao Thị B: 19.222.500đ; Hồ Thị Th: 23.385.000đ. Theo lời khai của các bị cáo thì số tiền đánh bạc Hồ Thị Th đã trả hết cho Lê Thị TR và hiện tại Lê Thị TR còn nợ của Cao Thị B là 14.080.000đ. Xét thấy việc B cho TR nợ là tự nguyện nên HĐXX không xét. Số tiền các bị cáo có được là do hành vi phạm tội của mình nên cần truy thu xung công số tiền trên. Đối với số tiền 7.625.000đ hiện chưa xác định được danh tính và con người cụ thể nên chờ kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và xử lý sau.

Các bị cáo đã tự nguyện nộp mỗi bị cáo là 5 triệu vào chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia nên khấu trừ vào số tiền bị truy thu. Đối với số tiền 1.035.000đ thu giữ tại chi cục thi hành án là tiền do phạm tội mà có nên cần xung công.

Đối với 04 chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng trong việc đánh bạc thấy đang còn giá trị sử dụng nên bán sung công. Đối với 05 thẻ sim mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1, 3 Điều 248; Điều 20; điểm b, hai tình tiết tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 và khoản 1, 2 Điều 31 BLHS năm 1999. Riêng bị cáo TH được hưởng thêm một tình tiết tại khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

- Tuyên bố: Lê Thị TR, Cao Thị B và Hồ Thị Th phạm tội "Đánh bạc"

- Xử phạt: Lê Thị TR 30 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Cao Thị B 24 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Hồ Thị Th 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ (20 ngày tạm giam x 3 = 60 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành 16 tháng.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của cả ba bị cáo. Giao cả ba bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Phạt: Lê Thị TR 04 triệu đồng; Cao Thị B và Hồ Thị Th mỗi bị cáo 03 triệu đồng xung quỹ nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng: Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015. Tịch thu xung công số tiền: 1.035.000đ theo phiếu thu số PT2018/164 ngày 27/11/2017 và 15 triệu theo biên lai thu tiền số 00627; 00628 và 00629 đều cùng ngày 02/01/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Tiếp tục truy thu số tiền của Lê Thị TR là: 59.296.000đ; Cao Thị B: 14.222.500đ; Hồ Thị Th: 18.385.000đ.

- Bán xung công 4 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Samsung J7; OPPO F1; Iphone 5S và Samsung Galaxy J7; Tịch thu tiêu hủy 05 thẻ sim điện thoại. Hiện các tang vật đang được nhập kho theo phiếu nhập kho số PK/2018/20, ngày 27/11/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

- Án phí : Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án.

- Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000^{đ} tiền án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 BL TTHS năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật THA dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật THA dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Đạt